




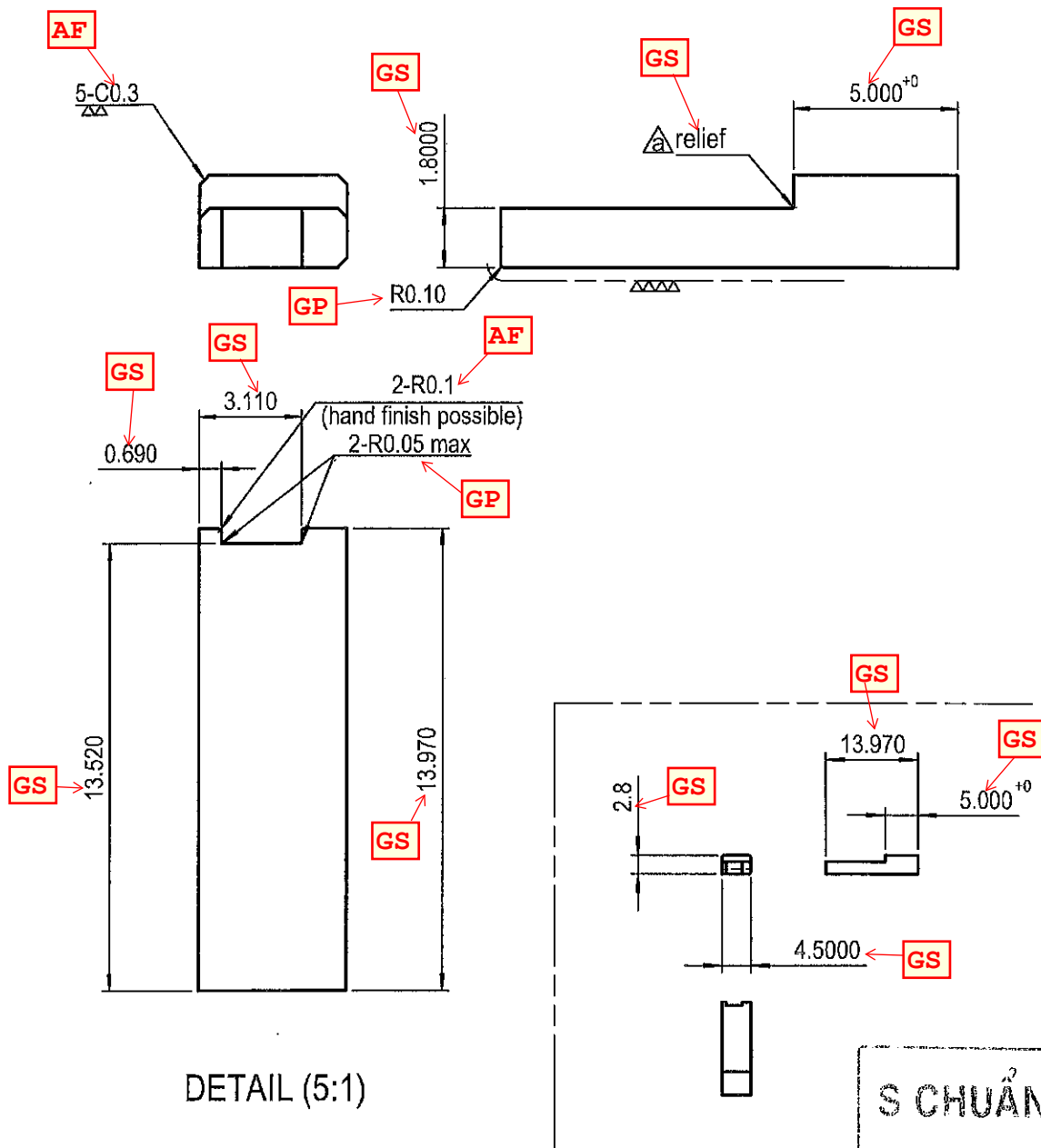


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2019/06/19	新規設計	<div>XUẤT BẢN VẼ</div> <div>BẢN VẼ DÙNG</div> <div>CHÊ TẮC - NGHIỆM THU</div> <div>HỦY SAU KHI HOÀN TẤT</div> <div>ĐO NOT COPY</div> <div>2023.11.02</div> <div>P.QLKTSX VDM</div>				0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
	2020/06/16	追記					0.000	± 0.005	0.000 ₋₀	^{+0.005} -0
							0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
							0.0	± 0.1	0.00 ₋₀	^{+0.01} -0
							0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
									0.0 ₋₀	^{+0.1} -0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							 <div>G</div>			



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	SKD11		部品図 PART DRAWING	ストリッパー入子 STRIPPER INSERT
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	脱模器嵌具 脱模器嵌具
Chen_Jing_Fu		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2019/06/19	R313253
Chen_Jing_Fu	HRC 60 ~ 62	A4V		

SNO: **R313253**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø5.3*25	GS:150 GP:30 AF:10 KT